

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ
TỈNH Đ**

Bản án số 82/2025/DS-ST
Ngày 13 - 6 - 2025
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê C.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết P

2. Ông Nguyễn Phú T

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng G là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố C.

Trong ngày 13/6/2025, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2025/TB-TLVA, ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2025/QĐXXST-DS, ngày 23/5/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 8, ấp A, xã Bn, thành phố C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ Y, sinh năm 1992

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 10, ấp A, xã Bn, thành phố C, tỉnh Đ.

Bà Võ Thị P có mặt tại phiên tòa. Bà Lê Thị Y vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị P trình bày:

Bà P và bà Y quen biết nhau. Ngày 30/10/2023, bà P cho bà Y vay số tiền 123.500.000 đồng, có biên nhận mượn tiền, thời hạn trả nợ 3 tháng. Mục đích khi vay bà Y thể hiện biên nhận “xoay sở chuyện nhà”, không thỏa Pận lãi suất, không có nhận lãi. Từ tháng 11/2023 đến nay bà P đòi nợ nhiều lần nhưng bà Y không thực hiện nghĩa vụ như thỏa Pận, không liên lạc được.

Nay, bà Võ Thị P yêu cầu bà Lê Thị Y trả cho bà P tiền vốn gốc 123.500.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 30/11/2023 đến ngày 30/3/2024 (04 tháng) lãi suất 1,66%/tháng (tức là 123.500.000 đồng x 1,66%/tháng = 2.050.000đồng/1tháng, 4 tháng x 2.050.000 đồng = 8.200.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 131.700.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 31/03/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 1,66%/tháng, yêu cầu lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà P trình bày, bà P không yêu cầu trả tiền lãi ba tháng đầu (tháng 11, 12/2023 và tháng 01/2024), bà P yêu cầu tính lãi từ tháng 02/2024

đến ngày 30/5/2025 là 16 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 16.400.000 đồng. Yêu cầu bà Y trả tiền vốn 123.500.000 đồng và lãi 16.400.000 đồng.

- Bà Lê Thị Mỹ Y: Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án Pộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Võ Thị P yêu cầu bà Lê Thị Y trả số tiền vốn 123.500.000 đồng, tiền lãi 16.400.000 đồng.

Ngày 30/10/2023, bà Võ Thị P cho bà Lê Thị Y vay số tiền 123.500.000 đồng, có biên nhận mượn tiền, thời hạn trả nợ là 3 tháng, không thỏa Pận lãi suất, đến nay bà Lê Thị Y chưa trả nợ cho bà P. Nay bà P yêu cầu bà Y trả tiền vốn là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Võ Thị P thay đổi yêu cầu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà P không yêu cầu trả tiền lãi ba tháng đầu (tháng 11, 12/2023 và tháng 01/2024), bà P yêu cầu tính lãi từ tháng 02/2024 đến ngày 30/5/2025 là 16 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 16.400.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với bà Lê Thị Mỹ Y: Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đến nay bà Lê Thị Y không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thể hiện bà Lê Thị Y từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị P.

Buộc bà Lê Thị Y có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị P tiền vốn 123.500.000 đồng, tiền lãi 16.400.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P nên bà Lê Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức P, miễn, giảm, P, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị P không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức P, miễn, giảm, P, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ Luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị P.

Buộc bà Lê Thị Y có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị P tiền vốn 123.500.000 đồng, tiền lãi 16.400.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi 139.900.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Y phải chịu án phí số tiền 6.995.000 đồng (sáu triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Trả lại cho bà Võ Thị P tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.108.000 đồng theo biên lai P tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003442, ngày 18/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Pận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

